

CÁC YẾU TỐ NGUỒN CỘI CỦA VÀNG MÃ

Tóm tắt: Vàng mã, gắn với nhiều lễ tục đã được thực hành sâu rộng, phổ biến từ lâu đời trong đời sống tôn giáo Việt Nam, nhưng thời gian gần đây, việc cúng đốt vàng mã dường như bị lạm dụng từ việc gia đình cho đến các lễ hội tôn giáo truyền thống. Sự lạm dụng này khiến việc ban hành những quy định ngăn cấm hay hạn chế cúng, đốt vàng mã trở nên khó thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Bài viết này chỉ ra những giá trị khởi nguyên, những ảnh hưởng chi phối tới vấn đề vàng mã với mong muốn các cơ quan quản lý hữu quan khi xây dựng chủ trương, chính sách cần hướng tới việc giảm thiểu tiêu cực, mà vẫn giữ được yếu tố thiêng cốt lõi, dưới nhiều dạng thức và mức độ phù hợp, được xã hội chấp nhận.

Từ khóa: Nguồn cội, hiện đại, yếu tố, vàng mã.

1. Mở đầu

Trong cuộc vận động cải cách phong tục tập quán những năm 1960 ở vùng đồng bằng cũng như miền núi của Miền Bắc, vấn đề tiết kiệm, văn minh, chống lãng phí, hủ tục, mê tín dị đoan, v.v... đã được đặt ra gay gắt, cấp thiết, huy động mọi nguồn lực xã hội để giải quyết triệt để. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra có tính tiên quyết là phải xác định rõ cần xóa bỏ những gì và những gì cần được giữ lại. Muốn vậy, cần nhất quán quan điểm rằng trước khi quyết định xóa bỏ hay giữ lại thì trước hết, phải tìm hiểu xem nó có “những gì”, có nghĩa là phải điều tra dân tộc học, khảo sát tỉ mỉ các lễ tiết, phong tục tập quán... và đặc biệt là thông qua đó, giải mã những thông tin, hệ thống quan niệm, triết lý ẩn náu bên trong, đằng sau đó¹.

Rõ ràng là mọi sự vật, hiện tượng, đều tất yếu tồn tại trong những không gian đặc thù, với những nguyên nhân, lý do phù hợp tương ứng, gắn liền với diễn trình lịch sử và văn hóa của mỗi cộng đồng. Cái nhìn từ bên trong và cái nhìn bên ngoài trong bối cảnh đó, luôn mang tính khoa học lẫn thực tiễn sâu sắc. Hơn 50 năm sau, bước vào thế kỷ XXI, xã hội Việt Nam lại phải đối diện với biết bao nhiêu vấn đề xã hội của diễn trình “phú quý sinh lễ nghĩa”,

* Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, Phân viện Miền Trung - Huế.

thực hiện nếp sống văn minh khắp nơi, từ nông thôn đến thành thị. Cùng với những chi phối có tính lịch sử từ truyền thống, con người thời nay cũng đồng thời tham chiếu hệ tiêu chí, quan niệm, lối sống, ứng xử của xã hội hiện đại vào trong đời sống tôn giáo, lễ nghi. Gần 40 năm sau ngày đất nước được thống nhất, vấn đề này càng trở nên cấp thiết bởi nhiều hệ lụy đặt ra, thậm chí còn trở thành hiện tượng xã hội bao chứa nhiều vấn nạn không thể giải quyết một cách nhanh chóng.

Với cách đặt vấn đề như trên, chúng tôi cho rằng, trước tiên cũng nên nhìn nhận rõ những giá trị khởi nguyên, ảnh hưởng chi phối, mang nhiều ý nghĩa biểu tượng của vàng mã, gắn với nhiều lễ tục đã được thực hành sâu rộng, phổ biến từ lâu đời trong đời sống tôn giáo Việt Nam. Trên cơ sở đó, hầu mong những người làm công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo hoặc văn hóa cần coi vấn đề vàng mã như một hiện tượng xã hội, một thực thể xã hội để có quan điểm hợp lý khi xây dựng chủ trương, chính sách cần hướng tới việc giảm thiểu tiêu cực, mà vẫn giữ được yếu tố thiêng cốt lõi, dưới nhiều dạng thức và mức độ phù hợp, được xã hội chấp nhận.

2. Vàng mã: Cơ sở tham chiếu

2.1. Tín ngưỡng phồn thực và nghi lễ hiến sinh

Phồn thực là nhu cầu, khát vọng, trở thành tín ngưỡng phổ quát khắp nhân loại, nhằm đem đến cho con người cuộc sống đủ đầy, hạnh phúc hơn theo hệ quan niệm chuẩn mực nhất định, hoàn toàn tùy thuộc thể giới quan, nhân sinh quan của mỗi cộng đồng. Điểm chung nhất trên tầm nhân loại là trục thông linh giữa các thể giới của *Con Người - Trời Đất - Thế Giới Siêu Nhiên* và phương thức thúc đẩy quá trình thông linh đó, đặc biệt thông qua nghi lễ hiến sinh. Lịch sử hiến sinh nhân loại trải qua nhiều bước, gắn liền với những trình độ văn minh tương ứng.

Hiến tế là nghi lễ làm cho một người, một vật trở thành thiêng liêng để chứng tỏ sự lệ thuộc, phục tùng, ăn năn, cầu mong và khát vọng của con người. Vật hiến tế càng quý, năng lượng tinh thần thu được càng lớn. Từ những nền văn minh nông nghiệp cổ xưa, con người đã quan sát thấy những tia nắng mặt trời và hơi ẩm của đất quyết định đến sự sinh trưởng của cây cối. Mối giao hòa Trời - Đất có liên hệ trực tiếp đến sự sinh sôi nảy nở của vạn vật. Đó chính là vấn đề then chốt cho sự ra đời của triết lý Âm - Dương như người Trung Hoa tổng kết - xuất phát điểm của tín ngưỡng phồn thực.

Tuy nhiên, mỗi giao hòa đó cũng có lúc trục trặc, ảnh hưởng xấu đến nhu cầu phồn thực, cần có sự thông linh qua những cầu nối, chất xúc tác tự nhiên cũng như nhân tạo, bao gồm những yếu tố núi cao, cỏ thụ, cột đá, cây cột lễ đâm trâu... Nhu cầu con người, từ đó, phải xác lập những chất xúc tác cần thiết cho quá trình thông linh diễn ra tối ưu nhất: Máu của vật hiến sinh.

Chủ nhân những nền văn minh tối cổ quan niệm máu đồng loại là quý giá nhất, chất xúc tác tốt nhất cho sự thông linh đó, nhằm đạt đến mục đích cao cả nhất là khát vọng cầu mùa. Cho nên, vật hiến sinh đầu tiên là những thành viên quý giá nhất của cộng đồng: *hài đồng, trinh nữ*. Về sau, văn minh nhân loại tiến sang một bước là thay thế *đồng loại* cao quý bằng *kẻ thù - tù binh*.

Đặc biệt ở bước tiến thứ ba, con người đã thực sự thay thế *đồng loại* bằng *những con vật* quý giá: *voi trắng, trâu trắng, dê trắng, heo trắng*, sau cùng là đến *gà*.

Trong diễn trình lịch sử hiến sinh đó, có thể coi bước chuyển tiếp sau cùng là sự chuyển hóa từ *con vật* sang *đồ vật*. Đó chính là vật dụng thực và các loại vật dụng có chức năng thay thế: hàng mã, giấy tiền (các loại *tranh, hình nhân thế mạng*).

Như vậy, xem xét một sự vật hiện tượng trong xã hội hiện đại cần tham chiếu từ nguồn cội để thấy được sức sống nội tại, bền vững của nó trong những môi trường xã hội cụ thể nhất định, gắn liền với hệ chuẩn mực đạo đức, luân lý, phong tục tập quán đặc thù của từng cộng đồng. Nơi đó, thể hiện rõ nét thế giới quan, nhân sinh quan, cũng như phản ánh trình độ văn minh của cộng đồng. Qua đó, có thể thấy được ba cấp độ quan trọng trong lịch sử hiến sinh là *đồng loại* → *động vật* → *vật dụng*².

Vàng mã giấy tiền, trong diễn trình đó, vẫn mang nhiều giá trị, chức năng quan trọng trong nghi lễ hiến sinh với khát vọng cầu an, cầu mùa cho mỗi một cá nhân và cả cộng đồng. Cho nên, vấn đề vàng mã cũng cần được xem xét trong diễn trình lịch sử và văn hóa đặc thù, thận trọng một cách phù hợp.

2.2. Thế giới quan, nhân sinh quan

Trong quan niệm nhân sinh truyền thống, con người mơ ước được sống “thọ” ở tuổi 60, tức là tròn một vòng hoa giáp. Từ đó, có mức phân định căn bản là *thọ - hưởng thọ* (có nhiều bậc: 60 tuổi - Hạ thọ; 70 -

Trung thọ; 80 - Thượng thọ, và cứ gia thêm 10 tuổi, lại thêm một chữ Thượng), và bất hạnh không được sống thọ, gọi là *hưởng dương*. Đi kèm theo đó là cả một hệ thống quy chuẩn trong phong tục tập quán tương ứng cho từng trường hợp, gắn liền với hệ quan niệm nhân sinh. Một khi cuộc sống và cái chết càng có yếu tố bất bình thường chừng nào, thì lại càng được bổ sung, hóa giải bởi nhiều lệ tục, lễ nghi phức tạp, chi tiết đến khắt khe, đặc biệt là hệ phẩm vật dâng cúng để cầu mong bù đắp, chia sẻ giữa con người giữa hai thế giới, sống và chết.

Tuổi âm trong quan niệm nhân sinh của người Việt mang đậm nhiều giá trị nhân văn cao cả, bởi từ khi thụ thai, đã chính thức định hình nên một sinh linh. Một tuổi được tính ngay từ những ngày nằm trong bụng mẹ là vậy. Trong cuộc sống vốn có nhiều khó khăn, thiếu thốn của vật chất, thiên tai, dịch họa, sinh linh đó ngày càng phát triển, sinh ra mẹ tròn con vuông, đầy tháng, được đặt tên, lớn lên, trưởng thành, lập gia thất... là duyên hạnh ngộ, niềm hạnh phúc bình thường nhưng rất đổi lớn lao của thân phận một con người. Chính vì vậy mà những thực tế bất hạnh so với chuỗi hành trình bình thường đó, cần được đặc biệt chú trọng trong nghi lễ, để đem lại sự an bình cho cả người ra đi lẫn người ở lại. Đó là những biểu hiện sống chưa thọ (dưới 60 tuổi) cho tới trường hợp bất đắc kỳ tử, chết đường chết chợ, bom rơi đạn lạc, tai nạn, ốm đau..., trở xuống, cho tới chuyện chết khi chưa lập gia thất, khi chưa được đặt tên, chưa được sinh ra, chưa được thành hình hài (huyết sảo, hữu vị vô danh, quận, nường...).

Những yếu tố đó cộng hưởng với tục cúng cô hồn *chăm, chợ, mọi, rợ, u linh khô cốt...*, làm cho đời sống nghi lễ cúng tế của cư dân thêm phần đa dạng và sâu sắc. Tục đốt áo binh, giấy tiền phổ biến, suy cho cùng, là phát xuất từ đây, để giải quyết nhu cầu này. Tục rải giấy tiền khi đưa tang, cúng thị thực, cáo đạo lộ, cáo đạo trung trong tang lễ, cũng cần được nhìn nhận, xem xét trong bối cảnh và tinh thần quan trọng như vậy.

Thế giới bên kia, theo quan niệm dân gian truyền thống, đúng nghĩa là *sinh ký tử quy* (sống gửi, thác về). Ở cõi dương gian tạm bợ, con người ta cố gắng sống tu nhân tích đức để chính mình và hậu duệ sau này bớt khổ đau, thêm sung sướng, kể cả ở cõi trần lẫn cõi âm, theo sự chi phối của luật nhân quả vốn phổ biến trong mọi xã hội, mà lý luận Phật giáo đã kịp thời đúc kết, khái quát. Do vậy, thế giới bên kia, về cơ bản, cũng giống như chốn dương gian, có đủ thứ vật chất, và nhu cầu tương ứng. Tổ tiên

ra đi không hề biến mất mà chỉ là chuyển sang sống ở thế giới bên kia và thường xuyên hiện hữu để chứng thực, giám sát hậu duệ thông qua biểu hiện thường trực của bát hương và bài vị trên bàn thờ. Đó chính là hiệu lực và ảnh hưởng chi phối sâu sắc của định chế hương hỏa mang tính chất gia trưởng.

Bát hương phải luôn được cháy sáng, cần hiểu theo hai khía cạnh cụ thể lẫn biểu trưng: mãi có người thắp hương (đàn ông), mâm cúng kỵ giỗ đầy đủ (phụ nữ) xứng đáng, bằng cách luôn phải nỗ lực tối đa trong việc nữ công gia chánh, tề gia nội trợ, phụng dưỡng ông bà cha mẹ, nuôi dạy con cháu nên người, rạng danh tổ tiên trên bước đường hoạn lộ... Chức năng hương hỏa của gia đình nổi bật ở ba nội dung quan trọng: có người nối dõi rạng danh, không để người trong gia đình đói cơm rách áo (vật chất) cũng như bị người khác coi thường, xúc phạm (tinh thần), cả lúc sinh thời lẫn sau khi quá vãng. Nhu cầu thường nhật trong cõi dương gian, do vậy, cũng được hiểu tương tự cho tổ tiên ở thế giới bên kia. Vàng mã, giấy tiền, trong vai trò là một phẩm vật dâng cúng, từ đó, cũng mang nhiều ý nghĩa nhân sinh lớn lao, như là những hành trang, lộ phí mà cháu con muốn gửi đến tổ tiên. Hơn nữa, những gì thuộc về tổ tiên ở thế giới bên kia đều là điều thiêng liêng tối thượng nhất. Nghĩa tử nghĩa tận là vậy.

Từ buổi bình minh của lịch sử loài người, khoảng cách giữa sự sống và cái chết thường là rất mong manh và theo diễn trình phát triển, tính chất nhân văn càng ngày càng được chú trọng, khái quát cao thành biểu tượng. Đó là một cuộc chia tay vĩnh cửu cho một hành trình dài mà người thân phải rời bỏ dương gian để đến với thế giới bên kia, nơi có nhiều thuộc tính tương tự, có phần đối lập với cuộc sống hiện tại. Tục chia của, đến nay vẫn còn phổ biến, ra đời trong bối cảnh đó và mang nhiều ý nghĩa nhân văn. Xã hội loài người càng hồng hoang, nguyên thủy chừng nào thì đồ chia của càng thực tế bấy nhiêu và đồng thời, xã hội càng văn minh thì giá trị biểu tượng của nó càng cao. Đó chính là giá trị biểu tượng, có chức năng thay thế của giấy tiền vàng mã trong xã hội hiện đại, bởi quan niệm về hai mặt đối lập của hai thế giới: đồ giả ở thế giới này là đồ thật ở thế giới bên kia. Cho nên, dân gian thường nói, “đi với ma mặc áo giấy”.

Muốn đồ giấy tiền vàng mã dâng cúng được chứng nghiệm, phải thông qua nghi thức *hóa* (đốt). Việc thả vàng mã giấy tiền với khối lượng

lớn trên đường, hay dưới sông..., do vậy, sẽ làm mất đi tính chất và giá trị nguyên ủy của nó, bởi điều đó sẽ làm gián đoạn, đứt gãy, không thành công quá trình chu chuyển phẩm vật dâng cúng của con cháu chốn trần gian sang cho tổ tiên, hay các thể lực âm linh ở thế giới bên kia.

Nhà nghiên cứu Từ Chi đã có công trình công phu, chi tiết về cõi sống và cõi chết trong nhân sinh quan, thế giới quan của người Mường, với nhiều lễ nghi, phẩm vật dâng cúng liên quan trong quá trình chuyển tải qua lại giữa hai thế giới. Ở đó, ông khẳng định tang lễ trong mọi nghi lễ lớn của các dân tộc, trên lễ tiết, những quan niệm về vũ trụ và nhân sinh quen thuộc của dân tộc. Cho dù không thiếu chỗ lệch lạc nhưng các quan niệm ấy đã bắt rễ lâu đời vào tâm khảm của người dân, là chất liệu góp phần xây dựng nên mối cộng cảm của một dân tộc. Do đó, không thể sớm muộn giải quyết, xóa bỏ nó trong ngày một ngày hai được, đặc biệt là bằng con đường và những biện pháp hành chính³.

Cái chết và tang lễ là vấn đề trọng tâm, là phương thức của cả cộng đồng quy định để đưa ma từ cõi sống sang cõi chết của thế giới siêu nhiên, gia nhập vào những cộng đồng mới là gia đình ma, cộng đồng làng xóm ma, mà ở đó, gần như không khác mấy so với cộng đồng ở cõi sống, nhưng là cộng đồng của thế giới siêu nhiên. Mường Ma/Mường Tỏi và Mường Người/Mường Sáng là hai thế giới được phân định rõ nét trong thế giới quan, nhân sinh quan của người Mường, theo từng cặp khái niệm, phạm trù đối lập nhau. Theo tục chia của, có nhiều đồ vật, dụng cụ, phương tiện mà con người đang sống trong thế giới thực muốn chia sẻ, gửi gắm cho linh hồn người chết sang thế giới bên kia để cầu mong trợ giúp với những chức năng, thuộc tính quen thuộc. Đó chính là những đồ vật thực nhưng quy trình lễ nghi lại càng làm cho nó tăng thêm tính thiêng như ngọn đèn thấp sáng trên bàn thờ, con gà báo canh mà ma mang theo trên đường về với thế giới bên kia, con trâu hiến tế đi theo để họ có phương tiện làm ăn, v.v...⁴

Xem xét vấn đề vàng mã trong chuỗi hành trình lễ nghi chặt chẽ của tang lễ cũng như nhiều nghi lễ về linh hồn người chết ở thế giới bên kia, gắn liền với thế giới quan, nhân sinh quan của cộng đồng, có thể nhận thấy ở đó nhiều giá trị nhân văn nổi bật bởi tính biểu trưng, giá trị biểu tượng của nó, như là những biểu hiện thông linh, cộng cảm cơ bản, cụ thể nhất giữa thế giới người sống và tổ tiên, những linh hồn đã khuất. Vấn đề đặt ra cần chú ý là giá trị biểu tượng, không gian thiêng của nghi lễ, quy

mô, cấp độ và phương thức thể hiện sao cho hài hòa và tương thích, phù hợp với hệ chuẩn mực văn minh, nhân văn của con người, của từng cộng đồng, trong cuộc sống đương đại, cả về phương diện luân lý, pháp lý, hành chính, v.v...

2.3. Biến tướng của tục đốt vàng mã dưới tác động của xã hội hiện đại

Trong thế ứng xử nhân văn, kết hợp với nhiều tập tục, nghi lễ truyền thống nhằm giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa con người đang sống và linh hồn đã khuất giữa hai thế giới, con người ở trần gian luôn cố gắng ghép, suy luận và phác thảo hình ảnh của thế giới bên kia một cách đầy chủ quan, cảm tính. Mặc dù vậy, thế giới bên kia vẫn luôn là những ẩn số với nhiều điều bí ẩn khó có thể giải đáp, dễ thường đem lại cho con người đang sống nhiều nỗi bất an.

Để giải quyết những nỗi bất an, lo lắng đó, người ta sẵn sàng làm mọi việc, kể cả bằng liệu pháp vật lý, sinh lý lẫn tâm lý, tâm linh. Việc thờ cúng, ngoài chuyện đạo hiếu, mang nhiều giá trị nhân văn của con người với tổ tiên, với thế giới siêu nhiên, cũng thể hiện rõ nét nhu cầu tâm lý, tâm linh thường trực đó.

Cuộc sống càng có nhiều yếu tố, biểu hiện và diễn biến bất thường thì những mối lo lắng bất an đó càng làm cho con người tăng thêm nhu cầu đầy mạnh hơn nữa nhu cầu thông linh với thế giới siêu nhiên, để cầu mong đạt được những nhu cầu tối thượng của xã hội đương đại và kiếm tìm những điểm tựa quan trọng, đáp ứng nhu cầu thực tại cũng như lý giải thực tại xã hội đang diễn ra, kể cả theo hướng tích cực lẫn tiêu cực.

Có lẽ phát xuất từ yếu tố nền tảng văn minh sông nước mà nhân sinh quan, thế giới quan người Việt hình thành những chuyến đò, bến đò, mà chuyến đò trọng đại nhất chính là *tử quy*: về với thế giới tổ tiên ông bà. Thế giới cháu con đang sống phải tổ chức lễ tiệc, nghi thức thờ cúng để chia tay, tiễn đưa người chết ra đi trong đau buồn, thông qua một chuyến đò do ông Cai giang điều khiển. Chuyến đò đó đảm đương nhiệm vụ vô cùng quan trọng là đưa linh hồn người chết sang thế giới bên kia cùng tổ tiên một cách trọn vẹn, thông qua hệ thống nghi lễ cúng tế cụ thể, chi tiết đến mức phức tạp, tùy vào hệ chuẩn mực, phong tục tập quán của mỗi cộng đồng.

Và để cho chuyến đò đó được đi đến nơi về đến chốn một cách trọn vẹn, cũng cần nhiều chất xúc tác mang tính lễ nghi suốt hành trình, qua

các ngã ba đường vốn có nhiều cô hồn, tới những vùng đất mới có các vị thổ thần đương nhiệm, hoàn thành thủ tục “nhập hộ tịch” nơi đất mới, với những chủ nhân mới, thậm chí cũng còn có cả nghi lễ cáo yết tổ tiên để “trình diện”.

Thế giới đó, quy trình đó càng được con người trong xã hội hiện đại phác thảo, làm rõ thêm nhận thức của con người ở thế giới hiện đại: vừa chia sẻ, yên ủi các linh hồn ở thế giới bên kia, vừa mang tính “mãi lộ” truyền thống theo lối đi dò thời xưa cộng thêm chút bóng dáng “mãi lộ” thời hiện đại bởi nhu cầu “vượt đèn đỏ”, “lấn đường”. Từ biểu hiện gia chủ đau buồn lúc tiễn đưa người thân ra đi vĩnh viễn, nhón từng tờ giấy tiền thả xuống đường đầy đau xót... cho tới việc thả mạnh, nhanh cả nắm giấy tiền trong từng sọt xuống đường cho thấy rõ điều đó.

Đó chính là những biểu hiện rõ nét của tâm lý “hồi lộ” trong nghi lễ thời hiện đại. Nhờ vậy mà sản phẩm vàng mã nay đã có đủ mọi phương tiện sống, từ ôsin giúp việc cho tới nhà lầu, xe hơi; giấy tiền từ đó cũng có đủ cả các loại tiền địa phủ: giấy tiền vàng bạc truyền thống, tiền Việt, tiền Mỹ, Úc, Canada...

3. Vàng mã: Vấn đề đặt ra

Rõ ràng là với cách đặt vấn đề và phân tích như trên, hiện tượng cúng đốt vàng mã cần được xem xét cụ thể trong từng bối cảnh lịch sử và văn hóa đặc thù suốt diễn trình lịch sử nghi lễ cúng tế, đặc biệt là nghi lễ hiến sinh. Xã hội luôn biến động không ngừng và gắn liền với từng thời đoạn, từng bối cảnh văn hóa cụ thể, sẽ định hình nên nhiều hệ chuẩn mực tương ứng, có tác dụng chi phối trở lại đời sống của cộng đồng.

Vấn đề vàng mã giấy tiền hiện nay, về cơ bản, chịu sự chi phối tác động của hai hệ chuẩn mực: đạo đức luân lý (tồn tại phổ biến, thường trực trong phong tục tập quán) và hành chính, pháp lý (hiện hữu trong những quy định của nhà nước, pháp luật). Hệ giá trị chuẩn mực đạo đức luân lý truyền thống vẫn còn rất nổi bật, chi phối mạnh mẽ đời sống xã hội hiện nay. Bài học kinh nghiệm suốt chiều dài lịch sử văn hóa dân tộc là ngày càng phải gắn kết, thu hẹp khoảng cách giữa các quy định, hệ chuẩn mực luân lý và pháp lý một cách gần nhất, cố gắng đạt đến mức thống nhất. Có như vậy, hiệu lực thi hành của các văn bản nhà nước mới đạt được ở mức cao nhờ vào sự đồng thuận của toàn xã hội, tránh hiện tượng “phép vua thua lệ làng” thời hiện đại.

Giải pháp cho vấn đề hạn chế sự phổ biến vàng mã trong đời sống xã hội, trong cách nhìn biện chứng đó, cần được vạch ra một lộ trình với những bước đi cụ thể, hữu hiệu, tránh thái độ cực đoan phiến diện một chiều, mới hy vọng có tính khả thi cao, để đồng thời giải quyết được hai vấn đề then chốt: giá trị biểu tượng của đời sống nghi lễ trong vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc và tất yếu, phải phù hợp với đời sống xã hội hiện đại./.

CHÚ THÍCH:

- 1 “Cõi sống cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường”, trong Nguyễn Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb. Văn hóa Thông tin & Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật: 10.
- 2 Trần Đình Hằng (2003), “Con dê trong nghi lễ hiến tế ngày xưa”, *Thông tin Khoa học, Công nghệ và Môi trường* (Quảng Bình: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Quảng Bình), số 01: 22 - 26. Xem thêm: Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* (Phạm Vĩnh Cư dịch), Nxb. Đà Nẵng - Trường viết văn Nguyễn Du, Đà Nẵng.
- 3 “Cõi sống cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường”, sdd: 10 - 11.
- 4 “Cõi sống cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường”, sdd: 27 - 28, 31.

Abstract**THE SOURCE OF THE VOTIVE PAPER**

Votive paper (glossy gold paper - vàng mã) attached to many traditional rites and it is a popular custom in religious life in Vietnam for a long time, but it has been abused in the traditional religious festival and religious life in family in recent years. This abuse has led to promulgate regulations to interdict and limit votive paper, but these regulations are not unified in the whole country. This text indicates the original values and the impacts on votive paper issue in order to give some scientific arguments to help to formulate a policy of limiting the negative dimension and preserving the sacred.

Keywords: Element, origin, modern, votive paper.